

Số: 29/2026/NQ-HĐND

Thanh Hoá, ngày 17 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026- 2035;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh



tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026- 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 135/TTr-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, giai đoạn 2026-2030; Báo cáo thẩm tra số 1119/BC- DT ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, giai đoạn 2026-2030.

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026- 2030 (sau đây gọi tắt là *Chương trình*).

2. Đối tượng áp dụng

a) Ủy ban nhân dân các cấp; các sở, ban, ngành cấp tỉnh và đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, phê duyệt tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Chương trình.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục 1

NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Việc phân bổ kế hoạch vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình phải tuân thủ theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước,



Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2026-2030 và tại Nghị quyết này.

2. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững; tập trung ưu tiên phân bổ ngân sách trung ương ở mức cao nhất cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu, biên giới và hải đảo nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.

3. Bảo đảm quản lý thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, tiêu chí và định mức phân bổ; không trùng lặp nội dung, đối tượng với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án khác thực hiện trên cùng địa bàn.

4. Đảm bảo công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch thực hiện Chương trình, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

5. Đối với các nội dung đã quy định nội dung, định mức, kinh phí cụ thể và cơ quan chủ trì, thực hiện theo quy định của Trung ương, thì không áp dụng theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Tiêu chí, hệ số phân bổ ngân sách trung ương

1. Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng thôn, xã.

Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã theo khoản này được xác định căn cứ số thôn đặc biệt khó khăn ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sau đây viết tắt là DTTS&MN) và loại xã (bao gồm: xã khu vực I, II, III vùng đồng bào DTTS&MN, xã An toàn khu (sau đây viết tắt là ATK), xã biên giới và các xã còn lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt). Hệ số phân bổ theo đối tượng thôn, xã như sau:

- a) Thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 1,0.
- b) Xã khu vực III vùng đồng bào DTTS&MN, xã ATK, xã biên giới: Hệ số 50,0.
- c) Xã khu vực II vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 40,0.
- d) Xã khu vực I vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 30,0.
- đ) Xã còn lại: Hệ số 25,0.

Trường hợp một xã đồng thời thuộc từ hai (02) đối tượng trở lên quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản này thì chỉ áp dụng một (01) hệ số phân bổ cao nhất tương ứng với một trong các đối tượng đó; không áp dụng cộng gộp, nhân hoặc tính trùng nhiều hệ số đối với cùng một xã.

2. Phương pháp xác định



Định mức phân bổ cho xã = Tổng hệ số của xã x Định mức phân bổ cho 1 hệ số. Trong đó:

a) Tổng hệ số của xã = Hệ số phân bổ của xã + Tổng hệ số của thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn xã.

b) Định mức phân bổ cho 1 hệ số = Tổng vốn ngân sách Trung ương bố trí cho cấp xã/Tổng hệ số toàn tỉnh.

c) Tổng hệ số toàn tỉnh = Tổng hệ số của các xã trên địa bàn toàn tỉnh.

3. Tiêu chí phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh

Vốn ngân sách trung ương bố trí cho sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh để thực hiện Chương trình được xác định căn cứ các tiêu chí sau:

a) Nhiệm vụ của Chương trình do sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được giao chủ trì thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Khối lượng nhiệm vụ, tiến độ thực hiện và nhu cầu vốn để thực hiện nhiệm vụ của Chương trình và dự toán ngân sách trung ương hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc được bổ sung, điều chỉnh theo quy định của pháp luật;

c) Nội dung, tính chất và phạm vi của nhiệm vụ phù hợp với chức năng nhiệm vụ, khả năng thực hiện của sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; bảo đảm không trùng lặp về nội dung chi và đối tượng thụ hưởng với nhiệm vụ đã phân cấp cho địa phương, nhiệm vụ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác hoặc nhiệm vụ chi khác đã được bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh;

d) Kết quả thực hiện nhiệm vụ và kết quả giải ngân vốn của sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2025 hoặc các năm trước năm liên kế.

Điều 4. Định mức phân bổ vốn

Căn cứ tổng dự toán, kế hoạch vốn ngân sách trung ương giao cho tỉnh Thanh Hóa, kết quả đánh giá tình hình thực hiện, sử dụng, giải ngân năm trước liên kế và các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ được quy định tại Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ cho các địa phương, đơn vị để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

Mục 2

QUY ĐỊNH VỐN ĐỐI ỨNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 5. Nguyên tắc bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương

1. Tuân thủ nguyên tắc bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương quy định tại Điều 7 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ và các nguyên tắc tại Điều 2 Nghị quyết này.

2. Tổng vốn đối ứng từ nguồn vốn ngân sách tỉnh, ngân sách xã giai đoạn 2026-2030 của tỉnh Thanh Hoá phải đảm bảo không thấp hơn 125% so với tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho tỉnh.



3. Ngân sách tỉnh phân bổ theo thứ tự ưu tiên các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã phấn đấu xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2026-2030 được cấp có thẩm quyền quyết định; ngân sách xã tập trung nguồn lực để xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nhằm hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030.

4. Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, các phường có trách nhiệm chủ động bố trí vốn từ nguồn chi thường xuyên hoặc nguồn đầu tư công (nếu có) của phường để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn.

Điều 6. Quy định vốn đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình

1. Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách tỉnh, kế hoạch đầu tư công trung hạn, dự toán ngân sách tỉnh, quyết định của cấp có thẩm quyền và quy định của pháp luật có liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ vốn ngân sách tỉnh thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

2. Tiêu chí, định mức phân bổ cho các xã.

a) Các xã khu vực I, II, III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc kế hoạch xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030: Ngân sách tỉnh phân bổ cho xã tối thiểu bằng ngân sách trung ương phân bổ cho xã trong giai đoạn 2026-2030.

b) Các xã khu vực I, II, III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi không thuộc kế hoạch xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030: Ngân sách tỉnh phân bổ cho xã tối thiểu bằng 0,5 lần ngân sách trung ương phân bổ cho xã trong giai đoạn 2026-2030.

c) Các xã còn lại: Các xã thuộc kế hoạch xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030: Ngân sách tỉnh phân bổ cho xã tối thiểu bằng 0,3 lần ngân sách trung ương phân bổ cho xã trong giai đoạn 2026-2030; Các xã không thuộc kế hoạch xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 chủ động bố trí vốn để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

3. Tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách tỉnh cho các đơn vị đạt chuẩn nông thôn mới; các chủ thể có sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên trong giai đoạn 2026-2030.

a) Đối với các xã, thôn đạt chuẩn nông thôn mới:

- Các xã được công nhận trong giai đoạn 2026- 2030: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 3.000 triệu đồng/xã.

- Các thôn, bản thuộc xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được công nhận trong giai đoạn 2026- 2030: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 200 triệu đồng/thôn, bản.

b) Đối với chủ thể có sản phẩm được công nhận OCOP đạt 3 sao trở lên trong giai đoạn 2026- 2030:



- Đối với sản phẩm được công nhận lần đầu: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 75 triệu đồng/sản phẩm đạt OCOP từ 3 sao trở lên;

- Đối với sản phẩm đánh giá nâng hạng sao: Hỗ trợ 50 triệu đồng/sản phẩm OCOP 3 sao nâng hạng lên 4 sao; Hỗ trợ 50 triệu đồng/sản phẩm OCOP 4 sao nâng hạng lên 5 sao; Hỗ trợ 100 triệu đồng/sản phẩm OCOP 3 sao nâng hạng lên 5 sao.

4. Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách tỉnh.

Điều 7. Quy định vốn đối ứng ngân sách xã thực hiện Chương trình

1. Các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Bố trí vốn theo khả năng cân đối ngân sách để thực hiện Chương trình (không xác định là điều kiện bắt buộc).

2. Các xã còn lại: Bố trí vốn đối ứng tối thiểu gấp 2 lần ngân sách trung ương phân bổ cho xã trong giai đoạn 2026-2030.

CHƯƠNG III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật có liên quan, tổ chức thực hiện đúng quy định, định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 7 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XIX, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2026./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Dân tộc và Tôn giáo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành PL - Bộ Tư pháp;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, DT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Phong
Nguyễn Hồng Phong